

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 09 - 8 - 2024

V/v: “Ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hiền và ông Nguyễn Xuân
Hành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
tham gia phiên tòa: Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST –
HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con
chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày
15/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đoàn Thị T, sinh năm 1993; Nơi ĐKKH thường trú và
chỗ ở: tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

Bị đơn: anh Lê Văn T1, sinh năm 1990; Nơi ĐKKH thường trú và chỗ ở:
tổ dân phố V, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị
Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị T và anh Lê Văn T1 tự nguyện đăng
ký kết hôn vào ngày 09/8/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh
Quảng Bình; Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, có
với nhau hai con chung, tuy nhiên càng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu
thuẫn, anh T1 thường bạo hành, đánh đập vợ trong việc giải quyết các mâu thuẫn
cuộc sống hàng ngày. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên can, chị T nhiều lần
tha thứ nhưng anh T1 vẫn tiếp tục bạo hành, đánh đập mỗi khi mâu thuẫn. Chị T
nhận thấy không còn tình cảm, không hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt

được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: chị Đoàn Thị T khai chị và anh Lê Văn T1 có 02 con chung tên là Lê Phúc Thiên K, sinh ngày 30/7/2019 và Lê Phúc Thiên K1, sinh ngày 11/8/2021; chị T có nguyện vọng sau ly hôn xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: chị Đoàn Thị T khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày tại Bản tự khai ngày 10/7/2024 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh T1 khai thống nhất như chị T. Tuy nhiên về mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng, anh T1 không đồng ý như chị T khai. Anh T1 cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống là bình thường và chưa có gì nghiêm trọng. Anh T1 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh T1 khai có hai con chung thống nhất như chị T khai. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Nếu chị T không đồng ý thì anh T1 đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên là Lê Phúc Thiên K, sinh ngày 30/7/2019. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 khai thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, triệu tập tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: chị T, anh T1 tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị T được ly hôn anh T1.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình, giao cho chị Đoàn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con Lê Phúc Thiên K, sinh ngày 30/7/2019 và Lê Phúc Thiên K1, sinh ngày 11/8/2021 kể từ tháng 08/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị **Đoàn Thị T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Lê Văn T1** và yêu cầu giải quyết nuôi con chung của vợ chồng; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại **tổ dân phố V, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

2.1 *Về quan hệ hôn nhân*: chị **Đoàn Thị T** và anh **Lê Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2017 tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị **T** đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng rút đơn để tạo cơ hội vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, chị **T** khai anh **T1** thường xuyên giải quyết mâu thuẫn vợ chồng bằng bạo lực nên không chấp nhận và không chịu được cuộc sống thiếu tôn trọng lẫn nhau. Nay chị **T** khởi kiện lại để yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị **T** đã từ lâu và không thể tự giải quyết. Cuộc sống hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn khả năng hàn gắn, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T** ly hôn anh **T1** để các bên ổn định cuộc sống riêng.

2.2 *Về con chung*: chị **Đoàn Thị T** và anh **Lê Văn T1** thống nhất khai có 02 con chung là **Lê Phúc Thiên K**, sinh ngày 30/7/2019 và **Lê Phúc Thiên K1**, sinh ngày 11/8/2021. Nguyên vọng của chị **T** sau ly hôn được trực tiếp chăm sóc cả hai con, không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con. Anh **T1** cũng có nguyện vọng sau ly được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con, nếu chị **T** không đồng ý thì anh **T1** xin nuôi con tên là **Lê Phúc Thiên K**, sinh ngày 30/7/2019, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của anh **T1**, chị **T** đều chính đáng, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con chưa đến 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy cần giao cháu **Lê Phúc Thiên K1**, sinh ngày 11/8/2021 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo xác minh tại **Công an thị trấn Q, huyện Q**, anh **T1** đang chấp hành

Bản án số 36/2023/HS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh **T1** không hợp tác và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến phiên tòa nhưng anh **T1** đều vắng mặt không có lý do, thể hiện không có ý thức chấp hành nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật; không có trách nhiệm với yêu cầu được nuôi con của mình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu **Lê Phúc Thiên K**, sinh ngày 30/7/2019 cho chị **Đoàn Thị T** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị **Đoàn Thị T** không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: chị **T** và anh **T1** khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị **Đoàn Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đoàn Thị T** được ly hôn anh **Lê Văn T1**.

2. Về nuôi con chung, xử:

Giao cho chị **Đoàn Thị T** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con **Lê Phúc Thiên K**, sinh ngày 30/7/2019 và **Lê Phúc Thiên K1**, sinh ngày 11/8/2021 kể từ tháng 08/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị **Đoàn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly

hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **T** đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 0003852 ngày 21 tháng 5 năm 2024. Chị **T** đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: chị **Đoàn Thị T** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Lê Văn T1** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND TT Quán Hàu, h. Quảng Ninh
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Nam

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Lưu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Lưu

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành

